

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19-01-2018

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Ông Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Nghĩa, Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Thanh Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1050/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Trung H; địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Đào Thị L; địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010, anh Lương Trung H và chị Đào Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 24/5/2010. Sau khi kết hôn anh chị chung sống

bình thường và đã có một con chung. Đến năm 2015, vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng về quan điểm, tính cách không phù hợp và do mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn căng thẳng nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã và tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Anh H và chị L đã sống ly thân từ năm 2016. Mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng mỗi người ở một phòng, anh H ngủ ở phòng khách, còn chị L ngủ ở tầng trên. Chị L thường xuyên đi làm về muộn, không quan tâm, chăm lo cho gia đình. Anh chị ở chung với bố mẹ đẻ anh H nên mọi việc sinh hoạt trong gia đình do bố mẹ anh lo. Mâu thuẫn vợ chồng đã được tổ dân phố hòa giải nhưng không có kết quả vì chị L không hợp tác và không hòa giải. Hiện nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Quá trình chung sống anh H và chị L có một con chung là Lương Hà V, sinh ngày 06/11/2010. Anh H trình bày, hàng ngày bố mẹ anh H giúp đỡ trong việc đưa đón cháu V đi học và dạy bảo cháu học hành. Anh H và chị L đều có công việc và thu nhập nhưng công việc của chị L làm theo ca, khó thu xếp được thời gian đưa đón con đi học và chăm sóc con. Anh chị không có nhà riêng mà hiện đang ở chung với gia đình anh H. Anh H làm nghề cắt tóc, thu nhập hiện tại của anh H khoảng 7.000.000 đồng/tháng có thể đảm bảo được việc nuôi con. Hơn nữa, bố mẹ anh giúp đỡ trong việc chăm sóc và đưa đón cháu V đi học. Vì vậy, khi ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi con để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và học tập của cháu V. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh H sẽ tự thỏa thuận với chị L nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H và chị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đào Thị L vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và chị L cũng không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án gửi Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại các phiên hòa giải, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh H được ly hôn với chị L. Giao con chung Lương Hà V cho anh H nuôi; việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung anh H không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, anh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Đào Thị L cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 05/10/2017 đến ngày 07/12/2017 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là chị Đào Thị L đến Tòa án nhiều lần nhưng không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản cho bị đơn được vì chị L không nhận văn bản hoặc không có mặt tại địa chỉ đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không thực hiện được việc tổng đạt cho chị L đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, trụ sở Ủy ban nhân dân phường B và tại nơi cư trú của chị L các văn bản như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Và chị L cũng không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án gửi Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 27/12/2017, chị Đào Thị L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Vì không tổng đạt được Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nên Tòa án đã niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa số 1100/2017/QĐST-HNGĐ ngày

27/12/2017 tại nơi cư trú của chị L, trụ sở Ủy ban nhân dân phường B và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do đủ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện và quá trình kết hôn như anh H đã trình bày phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, hôn nhân giữa anh H và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh H và chị L chung sống đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, do mâu thuẫn về kinh tế. Giữa hai người không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã; không có sự yêu thương, quan tâm và chăm sóc nhau về tình cảm, độc lập về kinh tế. Anh H và chị L đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tài liệu xác minh tại địa phương cho thấy chị L không hợp tác để hòa giải tại tổ dân phố. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị L không đến Tòa án tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa, cũng không có quan điểm giải quyết vụ án. Điều này thể hiện việc không hợp tác để giải quyết vụ án cũng như quan điểm không thiện chí hòa giải của bị đơn. Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị L đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc nuôi con: Anh H và chị L có một con chung như anh H đã trình bày. Tòa án xét thấy, anh H có công việc và thu nhập ổn định đủ để đảm bảo cuộc sống. Anh H và chị L đang ở chung cùng gia đình anh H nên anh có chỗ ở ổn định. Hơn nữa, chị L không có quan điểm giải quyết vụ án cũng như quan điểm về vấn đề con chung. Vì vậy, để đảm bảo mọi quyền lợi cũng như không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và việc học tập của cháu V, cần giao cháu V cho anh H trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như điều kiện thực tế. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về việc chia tài sản chung: Anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, anh Lương Trung H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lương Trung H được ly hôn chị Đào Thị L.

2. Về việc nuôi con:

Anh Lương Trung H và chị Đào Thị L có một con chung là Lương Hà V, sinh ngày 06/11/2010. Giao con chung Lương Hà V cho anh Lương Trung H trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Anh Lương Trung H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Lương Trung H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2013 ngày 05 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Anh Lương Trung H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Đào Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu